DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH (ĐỢT XÉT 4 - NĂM 2021)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2840 /QĐ-TĐHHN ngày 21 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trung bình	Xếp loại
1	1611061056	Đào Thị Phương Thảo	ĐH6C4	11/11/1998	Nam Định	7.46	Khá
2	1611060830	Phạm Quang Hà	ĐH6KS	06/10/1998	Hà Nội	6.14	Trung bình khá
3	1611092026	Nguyễn Quý Anh	ĐH6TĐ	07/01/1998	Hà Nội	5.95	Trung bình
4	1611162007	Phạm Tiến Duẩn	ĐH6TNN2	16/09/1998	Vĩnh Phúc	7.10	Khá
5	1711040008	Nguyễn Thành Nguyên	ĐH7BK1	04/07/1999	Hà Tây	6.64	Trung bình khá
6	1711060388	Nguyễn Phan Duy Anh	ĐH7C1	03/03/1999	Yên Bái	6.45	Trung bình khá
7	1711061278	Hoàng Gia Bảo	ĐH7C1	15/08/1999	Hà Nội	5.98	Trung bình
8	1711060382	Phạm Văn Thành Công	ĐH7C1	26/04/1999	Quảng Ninh	5.98	Trung bình
9	1711060540	Nguyễn Duy Đức	ĐH7C1	29/09/1999	Hải Dương	6.60	Trung bình khá
10	1711060943	Ngô Trường Giang	ĐH7C1	17/08/1999	Thái Bình	6.38	Trung bình khá
11	1711060171	Trần Thủy Mai	ĐH7C1	05/02/1999	Hòa Bình	6.28	Trung bình khá
12	1711060811	Phạm Tiến Đạt	ĐH7C2	13/12/1999	Quảng Ninh	6.30	Trung bình khá
13	1711060761	Nguyễn Huỳnh Đức	ĐH7C2	12/07/1999	Lào Cai	6.90	Trung bình khá
14	1711060834	Đỗ Hữu Hải	ĐH7C2	23/02/1999	Hà Tây	6.35	Trung bình khá
15	1711060809	Vũ Ngọc Hiển	ĐH7C2	26/04/1999	Hà Nam	6.65	Trung bình khá
16	1711060138	Nguyễn Thực Khải	ĐH7C2	07/02/1999	Bắc Ninh	6.70	Trung bình khá
17	1711060848	Nguyễn Quang Linh	ĐH7C2	03/11/1999	Hà Tây	6.83	Trung bình khá
18	1711060908	Nguyễn Đắc Hoàng Long	ĐH7C2	31/03/1999	Hà Nội	5.70	Trung bình
19	1711060833	Lê Tuấn Minh	ĐH7C3	14/06/1999	Hà Nội	5.74	Trung bình
20	1711060855	Lã Lưu Trường Sa	ĐH7C3	22/02/1999	Hà Tây	6.53	Trung bình khá
21	1711060870	Vũ Đức Tiến	ĐH7C3	18/09/1999	Hải Phòng	6.50	Trung bình khá
22	1711060927	Nguyễn Thị Vui	ĐH7C3	16/05/1999	Nam Định	6.50	Trung bình khá
23	1711061272	Nguyễn Quang Huy	ĐH7C4	19/08/1999	Nam Định	7.25	Khá

STT	Mã sinh viên	Họ tên	Lớp	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm trung bình	Xếp loại
24	1711060985	Nguyễn Huy Hoàng	ĐH7C4	23/08/1999	Hà Nội	6.63	Trung bình khá
25	1711060246	Nguyễn Minh Chiến	ĐH7C5	31/01/1999	Yên Bái	5.68	Trung bình
26	1711011331	Mai Thị Vân Anh	ĐH7K	02/07/1999	Nam Định	6.80	Trung bình khá
27	1711010425	Nguyễn Thị Phương Anh	ĐH7KE2	29/05/1999	Hà Nội	5.65	Trung bình
28	1711010746	Lê Thị Mai	ĐH7KE4	19/09/1999	Hà Tây	6.61	Trung bình khá
29	1711010792	Đỗ Thị Ngọc	ĐH7KE4	27/10/1999	Hà Tây	7.01	Khá
30	1711010732	Lê Thị Huyền Trang	ĐH7KE4	19/05/1999	Tuyên Quang	7.69	Khá
31	1711011554	Lê Thị Thuý	ĐH7KE5	10/05/1999	Thanh Hóa	6.25	Trung bình khá
32	1711011326	Đào Thị Chinh	ĐH7KE6	28/11/1999	Hà Tây	6.98	Trung bình khá
33	1711011311	Lường Thị Chinh	ĐH7KE6	01/05/1998	Lai Châu	6.93	Trung bình khá
34	1711011336	Ngô Thị Ngọc Hương	ĐH7KE6	07/05/1999	Bắc Ninh	7.43	Khá
35	1711011172	Phạm Thị Hường	ĐH7KE6	03/09/1999	Thái Bình	7.20	Khá
36	1711011241	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	ĐH7KE6	26/12/1999	Hà Tây	7.50	Khá
37	1711080083	Thạch Hồng Duy	ĐH7KS	08/05/1999	Hà Nội	7.10	Khá
38	1711081081	Nguyễn Thái Mạnh	ĐH7KS	25/10/1999	Thanh Hóa	6.21	Trung bình khá
39	1711080141	Nguyễn Đại Nghĩa	ĐH7KS	09/01/1999	Phú Thọ	6.08	Trung bình khá
40	1611070413	Trương Minh Hiếu	ĐH7M1	24/08/1998	Phú Thọ	6.58	Trung bình khá
41	1611120312	Nguyễn Hồng Nhung	ĐH7QB	05/08/1998	Hà Nội	6.04	Trung bình khá
42	1711140548	Nguyễn Thị Hoài Thương	ĐH7QTDL1	28/10/1999	Nam Định	7.49	Khá

Tổng số: 42 sinh viên